



Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Phạm Thị Bình¹, Phạm Thị Thúy Hằng²

¹Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 02/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 27/11/2024

Ngày nhận đăng: 28/11/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Hoạt động

Nghiên cứu khoa học

Sư phạm ứng dụng

Giáo viên

Trường tiểu học

TÓM TẮT

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) sư phạm ứng dụng (SPUD) của giáo viên đóng vai trò quan trọng trong cải thiện chất lượng giảng dạy, giáo dục học sinh và phát triển chuyên môn của giáo viên. Thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn đối với 38 cán bộ quản lý (CBQL) và 191 giáo viên (GV) ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bài báo đánh giá thực trạng hoạt động NCKH SPUD của giáo viên trên cơ sở khảo sát mức độ thực hiện các thành tố: mục tiêu; nội dung; phương pháp; hình thức; điều kiện; đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của GV. Kết quả khảo sát cho thấy, về tổng thể, hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn thực hiện ở mức độ “thường xuyên”, trong đó việc đầu tư về điều kiện tổ chức hoạt động NCKH SPUD của GV có mức độ thực hiện cao nhất ($M=3,99$) và các hình thức tổ chức hoạt động NCKH SPUD có mức độ thực hiện thấp nhất ($M=3,77$); đồng thời, vẫn còn nhiều tiêu chí đánh giá cụ thể có mức độ thực hiện chưa cao. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để đề xuất những khuyến nghị phù hợp đối với các chủ thể liên quan trong hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở trường tiểu học.

1. MỞ ĐẦU

Nguồn nhân lực trong xã hội hiện đại sẽ phải nỗ lực học tập, nâng cao trình độ, ứng dụng những tiến bộ về các kỹ thuật công nghệ thông tin trong chuyên môn đầy mạnh năng suất và chất lượng công việc (Đặng, 2002). Vì vậy, các nền giáo dục trên thế giới phải nhanh chóng phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Đối với mỗi cơ sở giáo dục, chất lượng đội ngũ giáo viên là một trong những yếu tố quan trọng làm nên giá trị giáo dục của nhà trường. Chương trình hành động Dakar (2000) của UNESCO đã nêu 10 yếu tố cơ bản cấu thành chất lượng của cơ sở giáo dục (UNESCO, 2000), trong đó, “Giáo viên dạy học tận tụy, yêu nghề và có năng lực nghề nghiệp” là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục của một nhà trường. Tại Việt Nam, nghị quyết số 29-NQ/TW nhấn mạnh “quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Quan điểm này có tác động tích cực đến hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học. Đồng thời với sự thúc đẩy phát triển nghề nghiệp liên tục, việc thực hiện NCKH SPUD sẽ trở thành quy định đối với GV tiểu học. GV có trách nhiệm tham gia hoạt động NCKH nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục (Quốc hội, 2019). Điều này được cụ thể hóa trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường tiểu học (Bộ GD&ĐT, 2018b), quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thúy Hằng;

Địa chỉ e-mail: ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.105.2025>

(Bộ GD&ĐT, 2018a), trong đó có yêu cầu các GV phải có hoạt động NCKH để nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục ở nhà trường.

Hoạt động dạy - học ở trường phổ thông đòi hỏi GV cần đáp ứng nhiều năng lực khác nhau, trong đó, năng lực NCKH của GV mang đến rất nhiều ý nghĩa tích cực cho bản thân người nghiên cứu. Nâng cao năng lực NCKH cho GV là quá trình giúp GV không ngừng vươn lên chiếm lĩnh tri thức khoa học, nâng cao phương pháp tư duy và sáng tạo, hướng đến phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề thực tiễn nảy sinh từ dạy học, giáo dục. Trong thực tiễn nghiên cứu đã có những công trình nghiên cứu đề cập về lí luận và thực tiễn hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các cấp học trên các địa bàn nghiên cứu như: Nguyễn Thị Minh Hồng & Nguyễn Vĩnh Khương (2016) đối với GV trường đại học; Nguyễn Đình Huy (2014); Nguyễn Văn Đệ và Nguyễn Văn Vũ (2018); Phạm Thanh Hùng (2021) đối với GV ở trường Trung học phổ thông; Nguyễn Thị Như Quyên (2017); nhóm tác giả Hồ Văn Thống & cộng sự (2024) đối với GV tiểu học. Nghiên cứu phát triển năng lực NCKH cho đội ngũ GV tiểu học ở vùng Đồng bằng nghiên cứu về khung năng lực chuyên môn của GV tiểu học, trong đó nhấn mạnh năng lực NCKH của GV của tác giả Phan Thái Hiệp (2023). Các nghiên cứu cho thấy phần lớn các nghiên cứu từ đội ngũ GV ở nhà trường có tính ứng dụng không cao, mang nặng tính hình thức và được xuất phát từ động cơ xét thi đua vào cuối mỗi năm học (Hồ et al., 2024); các trường sử dụng tiêu chí đánh giá sáng kiến để đánh giá NCKHSPUD; các trường chưa có quy định cụ thể về chuyên môn của giám khảo đánh giá, chưa mời các chuyên gia bên ngoài cơ sở tham gia đánh giá các đề tài (Nguyễn, 2014). Những nghiên cứu này đã góp phần hệ thống hóa lí luận đồng thời đánh giá thực trạng về hoạt động NCKH của giáo viên tại các nhà trường trên địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên, rất ít công trình về hoạt động NCKH của giáo viên ở các trường tiểu học được thực hiện, đặc biệt trên địa bàn quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh việc nghiên cứu vấn đề này vẫn chưa được quan tâm chú trọng và khai thác đầy đủ có cơ sở khoa học trong đánh giá thực tiễn nhằm đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH SPUD trên địa bàn nghiên cứu.

Trước những yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua con đường NCKH SPUD, cũng như những hạn chế của thực trạng hoạt động NCKH SPUD trong trường Tiểu học, kết quả nghiên cứu tại bài báo tập trung đánh giá thực tiễn hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo các thành phần: Mục tiêu; Nội dung; Phương pháp; Hình thức; Điều kiện; Đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để đề xuất những kiến nghị phù hợp đối với các chủ thể liên quan trong hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở trường tiểu học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu có căn cứ khoa học từ việc sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi khảo sát do nhóm tác giả tự xây dựng. Nội dung chính của bảng hỏi gồm 2 phần chính: i) phần thu thập thông tin cá nhân người khảo sát và ii) phần thu thập thông tin về hoạt động NCKH SPUD của GV ở trường tiểu học bao gồm: mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của GV. Trong bảng hỏi, câu hỏi điều tra thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc; cụ thể đánh giá về mức độ thực hiện được quy ước như sau: Rất thường xuyên ($4,21 \leq M \leq 5$); Thường xuyên ($3,41 \leq M < 4,20$); Thỉnh thoảng ($2,6 \leq M < 3,40$); Ít thực hiện ($1,81 \leq M < 2,60$); Không thực hiện ($1,0 \leq M < 1,80$). Đánh giá độ tin cậy của bảng hỏi khảo sát trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá độ phù hợp giữa các biến (item) trong cùng miền đo (Hoàng & Chu, 2008; Nunnally, 1978). Kết quả phân tích độ tin cậy cho thấy bảng hỏi trong nghiên cứu này có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,830, hệ số tương quan giữa từng item và tổng thang đo đều lớn 0,3. Các giá trị này cho thấy, phiếu hỏi là đảm bảo những yêu cầu cần thiết của một công cụ nghiên cứu, các câu hỏi trong bảng hỏi có độ tin cậy tốt, có thể sử dụng làm công cụ khảo sát các nội dung đề xuất trên các đối tượng khảo sát.

Mẫu nghiên cứu bằng bảng hỏi gồm 38 cán bộ quản lí và 191 giáo viên các trường tiểu học công lập trên địa bàn Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Trường Tiểu học Tầm Vu; Trường Tiểu học Bé Văn Đàn; Trường Tiểu học Thanh Đa; Trường Tiểu học Chu Văn An; Trường Tiểu học Bình Hòa; Trường Tiểu học Đồng Đa. Phiếu khảo sát được phát trực tiếp đến các đối tượng khảo sát trong thời gian khảo sát từ tháng 6 đến tháng 8/2024. Số liệu điều tra được xử lí thông qua phần mềm SPSS với các đại lượng: M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính nhằm xử lí các thông tin thu thập được từ phương pháp phỏng vấn trong quá trình nghiên cứu. Lựa chọn ngẫu nhiên 6 CBQL và 6 GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM để tiến hành phỏng vấn. Nội dung phỏng vấn về những khó khăn và thuận lợi trong hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học. Quy ước mã hóa danh mục CBQL và GV tham gia phỏng vấn theo 6 trường tiểu học được khảo sát (Từ 1CBQL1-6CBQL6; 1GV1-6GV6). Chọn

lọc các ý kiến, thống kê theo từng mục với trình tự có ý nghĩa, biên tập lại thành những phát biểu tương đồng trong các nhóm đối tượng, đủ nghĩa để trích dẫn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng mục tiêu nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng mức độ thực hiện mục tiêu NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học

TT	Mục tiêu hoạt động NCKH SPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	GV tiểu học xác định được mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chuyên môn nghiệp vụ thông qua NCKH SPUD	3.80	1.01	6
2	GV tiểu học tiếp cận được những tri thức phản ánh thành tựu mới nhất của KHGD và GDTH	3.98	0.83	1
3	GV tiểu học hình thành kỹ năng NCKH; sử dụng phương pháp NCKH để tổ chức nghiên cứu	3.90	0.91	4
4	Đề xuất giải pháp có giá trị để cải tiến, cải tạo, thay đổi hiện trạng bất cập trong giáo dục	3.82	0.93	5
5	Rèn luyện, nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giảng dạy; phát huy khả năng sáng tạo, tác phong khoa học cho GV	3.95	0.89	3
6	Phát triển kỹ năng nghiên cứu; khả năng tự học tự nghiên cứu, học tập suốt đời, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV	3.97	0.927	2
ĐTB chung		3.88 (SD=0.90)		

Kết quả phân tích thống kê tại bảng 1 cho thấy: Xét chung toàn mẫu, CBQL và GV đánh giá thực trạng mức độ thực hiện mục tiêu NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu ở mức độ “thường xuyên” (**M chung = 3,88; M tiêu chí = 3,80-3,97**). Trong đó, các mục tiêu cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên cao hơn đó là: *GV tiểu học tiếp cận được những tri thức phản ánh thành tựu mới nhất của KHGD nói chung và GDTH; Phát triển kỹ năng nghiên cứu; khả năng tự học tự nghiên cứu, tiếp tục học tập suốt đời, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV*. Kết quả phỏng vấn GV phản ánh, nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để GV tham gia hoạt động NCKH SPUD hướng đến mục tiêu có ý nghĩa đối với các bên liên quan: đối với việc phát triển chuyên môn của bản thân GV, đối với nhà trường trong việc thực hiện CTGDPT tổng thể, đối với ngành giáo dục trong sự nghiệp đổi mới và sự phát triển của xã hội (2GV2;5GV5).

Tóm lại, việc thực hiện mục tiêu hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh diễn ra ở mức thường xuyên. Nhà quản lý các trường tiểu học cần tiếp tục quan tâm thực hiện mục tiêu hoạt động NCKH SPUD của GV một cách có hệ thống, khoa học và bám sát yêu cầu đổi mới CTGDPT2018 tại nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu trọng tâm mà hoạt động NCKH SPUD của GV cần đạt được trên mọi phương diện: Phát triển chuyên môn nghiệp vụ sư phạm; tiếp cận và lĩnh hội thành tựu của tri thức KHGD và NCKH; hình thành kỹ năng NCKH; tạo lập được các sản phẩm NCKH thiết thực trong thực tiễn dạy học, giáo dục HS và đặc biệt, tạo động lực nghiên cứu, học tập suốt đời và phát triển sự nghiệp.

3.2. Thực trạng nội dung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy: Xét chung toàn mẫu, CBQL và GV đánh giá thực trạng mức độ thực hiện nội dung NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu ở mức độ “thường xuyên” (**M chung = 3,82; M tiêu chí = 3,72-3,90**). Trong đó, các nội dung cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn đó là: *Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm; bài học thành công của các điển hình giáo dục tiên tiến; tổng kết các sáng kiến dạy học và giáo dục; Nghiên cứu về thực trạng HĐDH, HĐGD và các hoạt động khác trong nhà trường; Nghiên cứu thiết kế, xây dựng mô hình; quy trình tổ chức HĐDH, HĐGD và các hoạt động khác trong nhà trường*. Các nội dung được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả thấp hơn đó là: *Xây dựng công cụ đo lường, thu thập và phân tích dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu phù hợp để thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có giá trị; Xác định các vấn đề cần nghiên cứu KHGD; Phân tích các dữ liệu thu được về lý luận, thực tiễn và giải thích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu; Hoàn thành báo cáo tổng kết vấn đề NCKH SPUD và công bố kết quả nghiên cứu*.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng nội dung NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học

TT	Nội dung NCKH SPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	Xác định các vấn đề cần nghiên cứu thuộc chuyên ngành KHGD	3.77	0.94	7
2	Nghiên cứu về thực trạng HĐDH, HĐGD và các hoạt động khác trong nhà trường	3.87	0.88	2
3	Nghiên cứu đề xuất biện pháp cải tạo, khắc phục hạn chế của thực trạng vấn đề nghiên cứu	3.82	0.88	5
4	Nghiên cứu thiết kế, xây dựng mô hình; quy trình tổ chức HĐDH, HĐGD và các hoạt động khác	3.87	0.92	3
5	Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm; bài học thành công của các điển hình giáo dục; tổng kết các sáng kiến dạy học và giáo dục	3.90	0.86	1
6	Xây dựng công cụ đo lường, thu thập và phân tích dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu phù hợp, đảm bảo độ tin cậy	3.72	0.97	8
7	Phân tích các dữ liệu thu được về lí luận, thực tiễn và giải thích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu	3.81	0.92	6
8	Đánh giá đề tài NCKHSPUD và triển khai vào thực tế	3.85	0.91	4
9	Hoàn thành báo cáo tổng kết vấn đề NCKH SPUD và công bố kết quả nghiên cứu	3.81	0.92	6
ĐTB chung		3.82 (SD=0.85)		

Kết quả phỏng vấn CBQL và GV cho thấy, nội dung được quan tâm thực hiện nhất ở nhà trường là nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm; bài học thành công của các điển hình giáo dục tiên tiến; tổng kết các sáng kiến dạy học và giáo dục bởi vì đây là một hoạt động có tính thực tiễn cao và mang lại nhiều giá trị cho công tác giảng dạy và quản lý (1CBQL1, 3GV3;5GV5). Trong khi đó, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Xây dựng công cụ đo lường thu thập và phân tích dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu phù hợp để thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có giá trị” với điểm 3.72 và SD 0.978 cho thấy trong thực tế, việc xây dựng công cụ nghiên cứu như bảng hỏi khảo sát, phiếu hỏi phỏng vấn, biên quan sát để khảo sát vấn đề nghiên cứu là một nội dung phức tạp trong việc xây dựng công cụ đo lường và yêu cầu về kỹ năng nghiên cứu cao hơn, vì vậy mức độ thực hiện nội dung này ở nhà trường chưa được thường xuyên cao.

Tóm lại, việc thực hiện nội dung NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh diễn ra ở mức thường xuyên. Nhà quản lý các trường tiểu học cần tiếp tục quan tâm nâng cao mức độ thực hiện nội dung NCKH SPUD của GV một cách có toàn diện, bởi vì, các nội dung NCKH SPUD của GV đều có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau nhằm nâng cao năng lực NCKH của GV và mang lại hiệu quả tích cực trong thực hiện các mục tiêu NCKH SPUD của GV ở nhà trường.

3.3. Thực trạng phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng sử dụng phương pháp NCKH SPUD của GV

TT	Phương pháp NCKH SPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	Phân tích và tổng hợp lý thuyết	3.72	0.96	10
2	Phân loại và hệ thống hóa lý thuyết	3.82	0.89	5
3	Mô hình hóa lý thuyết	3.80	0.90	8
4	Điều tra bằng bảng hỏi khảo sát	3.81	0.91	6
5	Điều tra bằng phỏng vấn	3.73	0.99	9
6	Phương pháp quan sát sư phạm	4.00	0.86	1
7	Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động	3.87	0.94	4
8	Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục	3.93	0.95	2
9	Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia	3.66	1.02	11
10	Phương pháp thực nghiệm sư phạm	3.91	0.91	3
11	Phương pháp phân tích dữ liệu	3.81	0.91	7
ĐTB chung		3.82 (SD=0.98)		

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy: Xét chung toàn mẫu, CBQL và GV đánh giá thực trạng sử dụng phương pháp NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh ở mức độ “thường xuyên” thực hiện (**M = 3,66-4,00**). Trong đó, các PPNC cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức

thường xuyên cao hơn trong quá trình NCKH SPUD của GV thuộc nhóm PPNC thực tiễn đó là: *Phương pháp quan sát sự phạm; tổng kết kinh nghiệm giáo dục; thực nghiệm sự phạm; PPNC sản phẩm hoạt động*. Các PPNC cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên thấp hơn là: *Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia; Phân tích và tổng hợp lý thuyết; Điều tra bằng phỏng vấn; Mô hình hóa lý thuyết*. Kết quả phỏng vấn GV cho thấy: GV thực hiện các đề tài nghiên cứu đã áp dụng hiệu quả việc đổi mới nội dung, PPDH để tạo lập môi trường học tập tích cực cho HS (4CBQL4, 6GV6). Trong đó, phương pháp quan sát có tính ứng dụng cao trong quá trình giảng dạy, giúp GV có cái nhìn trực tiếp và thực tế về các vấn đề trong quá trình dạy học (1GV1, 3GV3). Ngược lại “Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia” chưa được sử dụng ở mức độ cao do khó khăn trong việc tiếp cận và thu thập ý kiến từ các chuyên gia, hoặc do không phải lúc nào các ý kiến chuyên gia cũng được áp dụng thực tiễn vào giảng dạy tại các trường tiểu học (4GV4; 6CBQL6).

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy, GV các trường tiểu học trên địa bàn thường xuyên sử dụng phương pháp NCKH SPUD mang tính thực tiễn như quan sát sự phạm và tổng kết kinh nghiệm, trong khi những phương pháp đòi hỏi sự tiếp cận chuyên môn sâu hơn như lấy ý kiến chuyên gia vẫn còn nhiều chưa được sử dụng phổ biến. Vì vậy, GV các trường tiểu học cần quan tâm phối hợp sử dụng các PPNC lý thuyết, thực tiễn và phân tích dữ liệu định lượng và định tính trong hoạt động NCKH SPUD để khai thác ưu điểm của mỗi PPNC khoa học trong thu thập thông tin, dữ liệu nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn, mang lại giá trị khoa học cho đề tài NCKH SPUD của GV.

3.4. Thực trạng hình thức nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng hình thức tổ chức NCKH SPUD của GV

TT	Hình thức tổ chức NCKHSPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	Đề tài nghiên cứu khoa học	3.47	1.05	9
2	Dự án nghiên cứu khoa học	3.55	1.05	7
3	Chương trình nghiên cứu khoa học	3.58	1.01	6
4	Đề án nghiên cứu khoa học	3.52	1.07	8
5	Sáng kiến kinh nghiệm	3.99	0.83	2
6	Nghiên cứu thực tiễn lớp học	3.90	0.89	5
7	Thiết kế và thử nghiệm PPDH mới	4.00	0.79	1
8	Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên môn	3.95	0.91	3
9	Hợp tác nghiên cứu với đồng nghiệp	3.93	0.93	4
ĐTB chung		3.77 (SD=1.01)		

Tổng hợp phân tích thống kê kết quả khảo sát tại bảng 4 cho thấy: Xét chung toàn mẫu khảo sát, CBQL, GV đánh giá thực trạng thực hiện các hình thức tổ chức NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu ở mức độ “thường xuyên” (**M = 3.47-4.00**). Trong đó, các hình thức *Thiết kế và thử nghiệm PPDH mới; Sáng kiến kinh nghiệm; Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên môn; Hợp tác nghiên cứu với đồng nghiệp* được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên cao hơn. Các hình thức *Đề tài, Đề án, Dự án*. Chương trình NCKH được đánh giá mức độ thực hiện thấp hơn so với các hình thức khác. Kết quả phỏng vấn ghi nhận: GV có xu hướng tích cực trong việc áp dụng và thử nghiệm các phương pháp mới; đóng góp sáng kiến từ kinh nghiệm giảng dạy thực tế; tham gia các hội thảo chuyên môn, các hình thức này được xem trọng và mang lại ý nghĩa trong dạy học và giáo dục HS (2CBQL2, 3GV3; 6GV6). Bên cạnh đó, các hình thức như “Đề tài/Đề án nghiên cứu khoa học” có ĐTB thấp hơn, điều này chỉ ra rằng mức độ tham gia và kinh nghiệm của GV với các hình thức này còn hạn chế (3CBQL3, 5GV5).

Nhìn chung, các hình thức tổ chức NCKHSPUD của GV được đánh giá thực hiện thường xuyên nhưng không đồng đều ở các hình thức. Kết quả này cũng gợi ý cho các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TPHCM về việc cần quan tâm và động viên, khuyến khích GV tham gia thực hiện thường xuyên các hình thức tổ chức NCKH phong phú và đa dạng để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH SPUD.

3.5. Thực trạng điều kiện tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy: Xét chung toàn mẫu, các nội dung khảo sát về điều kiện tổ chức hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được CBQL và GV đánh giá được nhà trường đầu tư ở mức độ “thường xuyên” (**M chung = 3.99; M tiêu chí = 3.90 - 4.08**). Trong đó, các điều kiện được phản ánh về mức độ đầu tư cụ thể như sau: *Hệ thống tư liệu học liệu, cơ sở dữ liệu khoa học, và hệ thống thông tin về NCKH* ở trường tiểu học đạt ĐTB cao nhất với M = 4.08. Điều này cho thấy sự

sẵn có của hệ thống tư liệu và cơ sở dữ liệu khoa học được đánh giá rất cao, nhưng độ lệch chuẩn 1.121 cho thấy có một số khác biệt trong quan điểm của người đánh giá. *Nguồn lực phối hợp với các lực lượng tham gia hoạt động NCKH SPUD* của GV xếp thứ hai với $M = 4.00$. Điều này cho thấy việc phối hợp giữa các lực lượng tham gia hoạt động NCKH SPUD được đánh giá tích cực, tuy nhiên độ lệch chuẩn khá cao (1.223) chỉ ra sự không đồng nhất trong quan điểm. *Nguồn lực tài chính và thời gian dành cho hoạt động NCKH SPUD* ($M = 3.97$), điều này cho thấy nguồn lực tài chính và thời gian là một yếu tố quan trọng. *Điều kiện CSVC và trang thiết bị phục vụ NCKH SPUD* xếp cuối cùng với $M = 3.90$. Điều này cho thấy CSVC và trang thiết bị chưa được đánh giá cao so với các yếu tố khác và cũng có sự không đồng nhất lớn nhất trong ý kiến của người đánh giá ($SD = 1.230$).

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng điều kiện tổ chức hoạt động NCKH SPUD của GV

TT	Hình thức tổ chức NCKHSPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	Điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ NCKH SPUD ở trường tiểu học	3.90	1.23	5
2	Nguồn lực tài chính, thời gian dành cho hoạt động NCKH SPUD ở trường tiểu học	3.97	1.11	4
3	Hệ thống tư liệu học liệu; cơ sở dữ liệu khoa học; hệ thống thông tin về NCKH ở trường tiểu học	4.08	1.12	1
4	Điều kiện pháp lý; cơ chế, chính sách đảm bảo cho hoạt động NCKH SPUD ở trường tiểu học	3.98	1.20	3
5	Nguồn lực phối hợp với các lực lượng tham gia hoạt động NCKH SPUD của GV ở trường tiểu học	4.00	1.22	2
ĐTB chung		3.99 (SD=1.15)		

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy, trong tổ chức hoạt động NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu đã đầu tư, huy động và khai thác, sử dụng các điều kiện, nguồn lực phục vụ tổ chức hoạt động và đáp ứng yêu cầu ở mức độ nhất định. Tuy vậy, trên thực tế vẫn thể hiện những hạn chế, thiếu hụt về các nguồn lực cần thiết, điều đó có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động hoạt động NCKH SPUD của GV. Vì vậy, nhà trường cần quan tâm phát triển điều kiện, đáp ứng yêu cầu về môi trường vật chất, tinh thần, pháp lý, cơ chế để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH SPUD của GV ở nhà trường.

3.6. Thực trạng đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng đánh giá kết quả NCKH SPUD của GV

TT	Đánh giá kết quả NCKH SPUD	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
1	Thu thập thông tin về mức độ đáp ứng yêu cầu, mục tiêu hoạt động NCKH SPUD của GV	3.74	1.01	5
2	Đánh giá tính có ý nghĩa của hệ thống tri thức, giải pháp được ứng dụng vào thực tiễn dạy học, giáo dục HS và các hoạt động khác trong nhà trường	3.83	0.92	4
3	Sử dụng các phương pháp đa dạng trong đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của GV	3.93	0.91	1
4	Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ bằng nhiều phương pháp, hình thức phù hợp	3.83	1.02	3
5	Kết hợp đánh giá của CBQL với tự đánh giá của GV, đánh giá đồng đẳng và các bên liên quan về kết quả NCKH SPUD	3.85	0.98	2
ĐTB chung		3.84 (SD=0.96)		

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy: *Xét chung toàn mẫu*, công tác đánh giá kết quả kết quả NCKH SPUD của GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được thực hiện ở mức thường xuyên ($M = 3,74-3,93$). Trong đó, các khía cạnh quan trọng trong đánh giá kết quả BDCM cho GV có mức ĐTB và thứ bậc cụ thể như sau: Yếu tố “Sử dụng các phương pháp đa dạng trong đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của GV trong nhà trường” có ĐTB cao nhất là $M = 3.93$ và $SD = 0.912$, đứng thứ 1. Điều này cho thấy rằng việc áp dụng các phương pháp đánh giá đa dạng là yếu tố quan trọng và được đánh giá cao trong quá trình đánh giá kết quả NCKHSPUD. Tiếp theo là yếu tố “Kết hợp đánh giá của CBQL với tự đánh giá của GV, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của học sinh và các bên liên quan về kết quả NCKHSPUD”, với điểm $M = 3.85$ và $SD = 0.982$, đứng thứ 2. Yếu tố này thể hiện sự cần thiết của việc kết hợp nhiều nguồn đánh giá khác nhau để có được cái nhìn tổng quan và chính xác về kết quả NCKHSPUD. Mặc dù yếu tố “Thu thập thông tin chính xác

kip thời có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu mục tiêu hoạt động NCKHSPUD của GV” có ĐTB thấp nhất là $M = 3.74$, nhưng vẫn cho thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo thông tin thu thập được phản ánh đúng thực trạng và yêu cầu của hoạt động NCKHSPUD. Như vậy, các yếu tố đánh giá kết quả NCKHSPUD của GV đều được đánh giá ở mức độ thực hiện thường xuyên, phản ánh sự chú trọng vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động NCKHSPUD trong các trường tiểu học.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, xét chung tổng thể, hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ở mức độ thường xuyên trên tất cả các thành tố: Mục tiêu; Nội dung; Phương pháp; Hình thức; Điều kiện; Đánh giá kết quả hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học. Trong 6 thành tố được khảo sát, việc đầu tư về điều kiện tổ chức hoạt động NCKH SPUD của GV có mức độ thực hiện cao nhất ($M = 3.99$; **bảng 5**) và các hình thức tổ chức hoạt động NCKH SPUD có mức độ thực hiện thấp nhất ($M = 3.77$; **bảng 4**). Xét trên từng tiêu chí đánh giá cụ thể, vẫn còn có những tiêu chí thực hiện ở mức thường xuyên chưa cao. Điều này thể hiện những hạn chế, bất cập nhất định trong hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học trên địa bàn. Từ cơ sở này, chúng tôi khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan: (1) *Đối với nhà quản lý trường tiểu học*: xây dựng và thực hiện có chương trình, kế hoạch hoạt động NCKH SPUD của giáo viên ở các trường tiểu học, trong đó xác định mục tiêu rõ ràng; tổ chức và chỉ đạo, động viên và khuyến khích đội ngũ giáo viên sử dụng các phương pháp, hình thức NCKH SPUD phù hợp; đánh giá kết quả thực hiện hoạt động NCKH SPUD của giáo viên với tiêu chí cụ thể, bám sát mục tiêu, nội dung hoạt động NCKH SPUD của giáo viên để điều chỉnh phù hợp; (2) *Đối với đội ngũ giáo viên trường tiểu học*: thực hiện hoạt động NCKH SPUD mang tính toàn diện, thống nhất tất cả các mặt: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức NCKH SPUD; Tích cực tham gia NCKH; các khóa đào tạo và bồi dưỡng năng lực NCKH; Tạo lập môi trường học thuật và phát triển nghề nghiệp tích cực trong cộng đồng GV ở nhà trường và cụm trường tiểu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường tiểu học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông*.
- Đặng, H. (Chủ biên). (2002). *Phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hồ, V. T., Nguyễn, V. Đ., Lữ, T. H. Y., & Cao, T. H. (2024). *Nghiên cứu phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng*.
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS* (Tập 2). Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn, Đ. H. (2014). Đảm bảo chất lượng nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể. *Tạp chí Giáo dục*, 337(1), 10–11.
- Nguyễn, T. M. H., & Nguyễn, V. K. (2016). Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu cho giảng viên trẻ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 7, 93–105.
- Nguyễn, T. N. Q. (2017). Thực trạng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên tiểu học ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Giáo dục*, 387.
- Nguyễn, V. Đ., & Nguyễn, V. V. (2018). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Giáo dục*, 425(1), 5–9.
- Nunnally, J. (1978). *Psychometric theory*. McGraw-Hill.
- Phạm, T. H. (2021). Thực trạng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 18(11). [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.11\(2021\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.11(2021))
- Phan, T. H. (2023). Xây dựng khung năng lực chuyên môn cho giáo viên tiểu học giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S3), 79–84. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320313>
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giáo dục* (Luật số 43/2019/QH14). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- UNESCO. (2000). *The Dakar framework for action: Education for all – Meeting our collective commitments*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000121147>

Current status of teachers' applied pedagogical research activities in primary schools in Binh Thanh district, Ho Chi Minh City

Phạm Thị Bình¹, Phạm Thị Thụy Hằng²

¹Nguyen Ba Ngoc Primary School, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received 02 October 2024

Received in revised form 27 November 2024

Accepted 28 November 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Activities

Scientific research

Applied pedagogy

Teachers

Primary schools

Corresponding author:

Phạm Thị Thụy Hằng

E-mail address:

ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

Teachers' applied pedagogical research (PRE) activities play an essential role in improving the quality of teaching, educating students and developing teachers' expertise. Through a survey using questionnaires and interviews with 38 managers and 191 teachers in primary schools in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, the article assesses the current status of teachers' applied pedagogical research activities based on the survey of the implementation level of the following elements: objectives; content; methods; forms; conditions; assessment of the results of PRE scientific research activities of teachers. The survey results show that, in general, PRE scientific research activities of teachers in primary schools in the area are carried out at a "regular" level, in which investment in conditions for organizing PRE scientific research activities of teachers has the highest level of implementation ($M = 3.99$) and forms of organizing PRE scientific research activities have the lowest level of implementation ($M = 3.77$); at the same time, there are still many specific assessment criteria with low levels of implementation. The survey results are a practical basis for proposing appropriate recommendations for related subjects in PRE scientific research activities of teachers in primary schools.
